TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Hòa;
2. Ông Bành Văn Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên toà: Ông Hồ Chí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 683/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Công T (tên gọi khác T), sinh năm 1987; địa chỉ: Ô 1, ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà 27, tổ 16, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-11-2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Lê Công T trình bày: Anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 11 năm 2016, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống tại nhà ba mẹ anh được khoảng 01 năm thì về nhà cha mẹ chị T sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Sau đó, anh về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Thỉnh thoảng anh về thăm con, có đưa ra giải pháp đoàn tụ gia đình với chị T nhưng không được.

Về hôn nhân: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Bị đơn chị Đỗ Thị T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian chung sống, ly thân, mâu thuẫn vợ chồng. Chị xác định đến nay anh

chị vẫn chưa đăng ký kết hôn, nguyên nhân do chị là Việt kiều Campuchia di cư tự do về Việt Nam sống từ năm 2010 nên không có giấy tờ tùy thân. Từ tháng 7 năm 2019, vợ chồng chị có cãi nhau nên anh Tú bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay.

Về hôn nhân: Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con tên Lê Trúc M, sinh ngày 07-12-2017 và tên Lê Tường V, sinh ngày 11-6-2019. Hiện 02 con đang sinh sống với chị T.

Hai anh chị thống nhất chị T tiếp tục nuôi 02 con. Chị T không yêu cầu anh Tú cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ điều kiện nuôi 02 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến*:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Công T và chị Đỗ Thị T.

2. Về con chung: Hai anh chị thống nhất chị Thơm tiếp tục nuôi dưỡng 02 con tên Lê Trúc M, sinh ngày 07-12-2017 và tên Lê Tường V, sinh ngày 11-6-2019. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Tú phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Ngày 03-11-2020 anh T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị T. Chị Thơm có địa chỉ và đang sinh sống tại ấp B4, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của anh T chị T, xác định anh T và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: " ... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp

lý" và tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định "…..Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Đối chiếu theo quy định của pháp luật anh T và chị T chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hai anh chị thống nhất chị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[5] Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Công T và chị Đỗ Thị T. là có cơ sở.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Công T và chị Đỗ Thị T.

2. Về con chung: Giao chị Thơm tiếp tục nuôi dưỡng 02 con tên Lê Trúc My, sinh ngày 07-12-2017 và tên Lê Tường Vy, sinh ngày 11-6-2019.

Ghi nhận: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh Tú thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Công T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0005313 ngày 26-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các bên có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Đào Thị Hiền